

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **48/2023/HS - ST**
Ngày 17 - 8 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Cao Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tống Xuân Quyết và ông Hoàng Văn Bốn

- Thư ký phiên toà: Ông Ma Ngọc Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang xét xử bằng hình thức số hóa công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2023/TLST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-HS, ngày 03 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Ma Văn T**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 13/11/1965, tại huyện H, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 07/10; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ma Văn V, sinh năm 1928 (đã chết); con bà Ma Thị N, sinh năm 1933; Vợ là Đỗ Thị P, sinh năm 1970; Có 02 con, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1993.

- Tiền án: Có 01 tiền án, ngày 15/01/2020 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang xử phạt 01 năm 08 tháng tù cho hưởng án treo; thử thách 03 năm 04 tháng về tội Trộm cắp tài sản.

- Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/5/2023 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang, *có mặt*.

2. Họ và tên: **Đặng Văn D**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 01/7/1989, tại huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn S, sinh năm 1957; con bà Ma Thị L, sinh năm 1955; Vợ là Trương Thị Ph, sinh năm 1994; Có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- Bị hại: Ông Lý Văn C, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đỗ Thị P, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

- Người làm chứng: + Ông Long Văn Ng, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn 4 M, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, có mặt.

+ Ông Trần Đức C, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn 3 L, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 4/2023, Ma Văn T, sinh năm 1965 và Đặng Văn D, sinh năm 1989 cùng trú tại thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang đi lên khu L, thuộc thôn C, xã Y chơi, quá trình chơi Ma Văn T, Đặng Văn D biết gia đình ông Lý Văn C cùng thôn có một đàn dê nuôi tại chuồng cách nhà khoảng 100 mét, xung quanh không có người ở nên nảy sinh ý định trộm dê của ông C đem bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. T hỏi D “Trộm không?”, D hiểu ý Toan rủ trộm cắp nên trả lời “có”. Sau đó cả hai đi về nhà, T liên hệ với Trần Đức C, sinh năm 1980, trú tại thôn 3 L, xã Tân T, huyện H làm nghề mua bán dê hỏi giá dê và hện C mang dê đến bán. Ngày 26/4/2023 Ma Văn T, Đặng Văn D hện nhau trộm dê nhà ông C đem bán. Khoảng 23 giờ cùng ngày, Ma Văn T gọi điện cho Đặng Văn D, sau đó cả hai đi bộ đến khu vực chuồng nuôi dê của gia đình ông C. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 27/4/2023, T và D đến nơi quan sát thấy chuồng dê không có người trông coi, D cầm điện thoại bật đèn soi để T đi vào trong chuồng dê làm bằng tre, lấy lá cây nhét vào chuồng đeo ở cổ hai con dê rồi dắt toàn bộ số dê 05 con (gồm 01 con dê đực, 04 con dê cái) ra khỏi chuồng rồi cùng nhau dắt về nhà T, trên đường đi T tháo chuông ở cổ dê vứt đi. Khi về đến vườn chanh nhà T, cả hai cho số dê vừa trộm được vào 02 chiếc sọt, dùng 02 miếng bạt quấn xung quanh rồi T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, Dịch điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha biển kiểm soát 22Y1 -136.34 chở dê đem bán cho Trần Đức C, nhưng C không đồng ý mua do nghi ngờ dê trộm cắp mà có. Không bán được dê và không dám mang quay lại xã Y do sợ việc trộm cắp bị bại lộ, T và D mang dê đến gửi nhờ lán của ông Long Văn Ng, sinh năm 1960, trú tại thôn 4 M, xã Y, huyện H (người quen của D), được ông Ng đồng ý cho gửi. Đến ngày 28/4/2023, ông Ng gọi điện cho D và được biết số dê gửi do trộm cắp mà có nên ông Ng đã yêu cầu mang đi nơi khác. Sợ bị phát hiện hành vi trộm cắp tài sản nên T, D đến nhà ông Ng dắt 05 con dê lên đồi sau lán của ông Ng sau đó dùng gậy đập chết toàn bộ 05 con dê rồi vứt vào bụi nứa nhằm mục đích xóa dấu vết, tránh bị phát hiện.

Tại kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐGTS, ngày 05/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện H, kết luận: 05 con dê ta (gồm 01 con dê đực, 04 con dê cái), tổng trọng lượng là 80kg, tại thời điểm ngày 27/4/2023 có giá trị là 8.800.000đ (tám triệu tám trăm nghìn đồng).

Từ nội dung trên, cáo trạng số 41/CT-VKSHY ngày 20/7/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố bị cáo Ma Văn T, Đặng Văn D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo tội danh, điều luật như cáo trạng đã công bố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Ma Văn T, Đặng Văn D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Ma Văn T từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 09/5/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Văn D từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng; thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 15.000.000đ, trong đó mỗi bị cáo 7.500.000đ, bị cáo D đã bồi thường xong; bị cáo T nhất trí yêu cầu của bị hại. Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự năm 2015; đề nghị buộc bị cáo Ma Văn T bồi thường cho bị hại số tiền 7.500.000đ.

Về xử lý vật chứng: Đối với 02 xe mô tô thu giữ của các bị cáo không liên quan đến tội phạm, đề nghị trả lại cho bị cáo D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị P. Đối với 02 điện thoại di động, các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Về án phí: Do các bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đề nghị miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo và án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo Toan.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Ma Văn T, Đặng Văn D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với nội dung cáo trạng, các bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của đại diện Viện kiểm sát; nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo T xin giảm nhẹ mức án thấp nhất để sớm được trở về với gia đình và cộng đồng; bị cáo D xin được hưởng án treo cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hàm Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo

và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Thị P nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về tội danh: Tại phiên tòa, các bị cáo Ma Văn T, Đặng Văn D đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung vụ án nêu trên, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 27/4/2023, tại khu vực L thuộc thôn C, xã Y huyện H, tỉnh Tuyên Quang, các bị cáo Ma Văn T, Đặng Văn D đã có hành vi trộm cắp 05 con dê ta, tổng trọng lượng 80kg, có giá trị là 8.800.000đ (*tám triệu tám trăm nghìn đồng*) của ông Lý Văn C, sinh năm 1961, trú tại thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Như vậy, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang truy tố các bị cáo về tội trộm cắp tài sản là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tuy nhiên do hám lợi lười lao động, xem nhẹ việc chấp hành pháp luật, các bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với lỗi cố ý trực tiếp và tội phạm đã hoàn thành. Vì vậy cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm minh, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, như vậy mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người tốt và răn đe phòng ngừa tội phạm chung. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn, bởi lẽ các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ. Trong đó bị cáo Ma Văn T giữ vai trò khởi xướng, tích cực thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; bị cáo Đặng Văn D giữ vai trò giúp sức, tích cực thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Xét về nhân thân cũng như các tình tiết của vụ án thấy rằng bị cáo T phải chịu mức án cao hơn bị cáo D là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân các bị cáo:*

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo T đã có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản do lỗi cố ý, do vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, là dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo D không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại xong, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, là dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được áp dụng điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình Sự. Căn cứ vào nhân thân cũng như những tình tiết của vụ án, xét thấy mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, cần được chấp nhận.

Xét thấy bị cáo Đặng Văn D có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo, giáo dục tại địa phương cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, đồng thời nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo làm ruộng, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền).

[7] Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 15.000.000đ (mỗi bị cáo 7.500.000đ), bị cáo D đã bồi thường xong; bị cáo T nhất trí yêu cầu của bị hại; do vậy cần buộc bị cáo Ma Văn T bồi thường cho bị hại số tiền 7.500.000đ.

[8] Về vật chứng: Đối với 02 xe mô tô thu giữ của các bị cáo, xét thấy không liên quan đến tội phạm, trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Đối với 02 điện thoại di động thu giữ của các bị cáo, xét thấy các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[9] Đối với ông Long Văn Ng biết việc bị cáo T, D trộm cắp tài sản nhưng không tố giác. Tuy nhiên quá trình điều tra xác định hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự nên không cấu thành tội không tố giác tội phạm quy định tại Điều 390 Bộ luật Hình sự.

[10] Đối với bà Đỗ Thị P không biết việc bị cáo T sử dụng tài sản của mình (xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX) để đi trộm cắp tài sản nên không xem xét xử lý.

[11] Về án phí: Xét thấy các bị cáo là dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, do vậy Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định.

[12] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Ma Văn T, Đặng Văn D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Ma Văn T **09** (chín) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 09/5/2023.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Đặng Văn D **06** (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm; thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/8/2023).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS; Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Ma Văn T phải bồi thường cho ông Lý Văn C số tiền 7.500.000đ (*bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

Khoản tiền bồi thường, kể từ khi ông Lý Văn C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chậm trả thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS. Trả lại cho bà Đỗ Thị P 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX (không có biển số); trả lại cho bị cáo Đặng Văn D 01 mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 22Y1-136.34. Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen thu giữ của bị cáo D; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu vàng hồng bên trong có 01 sim Viettel thu giữ của bị cáo T. Tình trạng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 24/7/2023 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo được miễn 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo T được miễn 375.000đ (*ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự có giá ngạch.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ

ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- Cơ quan điều tra Công an huyện H;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã Y;
- Những người tham gia tố tụng;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu: HSVA, THA hình sự.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Cao Tiến

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Tổng Xuân Quyết - Hoàng Văn Bốn

Hoàng Cao Tiến

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Tổng Xuân Quyết - Nguyễn Duy Sự

Hoàng Cao Tiến

